

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thúy D**; Địa chỉ: đường L, khóm G, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Hồng Trang D1**; Địa chỉ: đường L, khóm G, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/5/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 16/4/2009. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau. Nay bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông

Hồng Trang D1.

Về con chung: Bà Lê Thúy D trình bày, ông bà có 02 người con chung tên Hồng Thanh L (giới tính: Nam), sinh ngày 17/7/2009 và Hồng Kim P (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2012. Hiện cháu L và cháu P đang sống với bà D và ông D1. Sau khi ly hôn, bà Lê Thúy D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Hồng Thanh L và Hồng Kim P cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thúy D không yêu cầu ông Hồng Trang D1 cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu ông D1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu thì bà D cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Bà Lê Thúy D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thúy D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồng Trang D1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồng Trang D1 thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thúy D về thời gian ông bà chung sống, đăng ký kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo ông D1 nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian gần đây bà D thường xuyên đi chơi, còn ông D1 thì lo chạy xe cả ngày, nên ông D1 có góp ý với bà D thì bà D giận không nói chuyện với ông và làm đơn xin ly hôn. Hiện nay ông bà vẫn còn sống chung trong một nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông D1 cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà D nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên Hồng Thanh L (giới tính: Nam), sinh ngày 17/7/2009 và Hồng Kim P (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2012. Hiện cháu L và cháu P đang sống với bà D và ông D1. Sau khi ly hôn, ông D1 đồng ý giao 02 người con chung tên Hồng Thanh L và Hồng Kim P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồng Trang D1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P mỗi cháu 2.000.000/tháng.

Về tài sản chung: Ông Hồng Trang D1 trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Hồng Trang D1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập

chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Lê Thúy D được ly hôn với ông Hồng Trang D1; Về con chung, giao cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồng Trang D1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Hồng Thanh L và cháu Hồng Kim P mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà D và ông D1 trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà D và ông D1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện thì bà Lê Thúy D yêu cầu ly hôn với ông Hồng Trang D1 và yêu cầu giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2009, tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã với nhau. Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải hai lần nhưng bà D vẫn cương quyết xin ly hôn còn ông D1 xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông D1 đã đến mức trầm trọng, mặc dù ông bà vẫn còn sống chung trong một nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thúy D cho bà được ly hôn với ông Hồng Trang D1.

Về con chung: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 trình bày, trong thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Hồng Thanh L (giới tính: Nam), sinh ngày 17/7/2009 và Hồng Kim P (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2012. Hiện cháu L và cháu P đang sống với bà D và ông D1.

Sau khi ly hôn bà D và ông D1 thống nhất giao cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của bà D và ông D1 phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu P, nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà D và ông D1, giao cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồng Trang D1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P mỗi cháu 2.000.000/tháng, bà Lê Thúy D cũng đồng ý mức cấp dưỡng nêu trên. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và số tiền cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng phù hợp với điều kiện sống hiện nay tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồng Trang D1, hàng tháng ông D1 cấp dưỡng nuôi cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P mỗi cháu 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/8/2020.

Ông Hồng Trang D1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P mà không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thúy D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồng Trang D1 phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thúy D được ly hôn ông Hồng Trang D1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1, giao hai con chung tên Hồng Thanh L (giới tính: Nam), sinh ngày

17/7/2009 và Hồng Kim P (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2012 cho bà Lê Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu P đủ 18 tuổi, hiện cháu L và cháu P do bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồng Trang D1, hàng tháng ông Hồng Trang D1 cấp dưỡng nuôi cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P mỗi cháu 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/8/2020.

Ông Hồng Trang D1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồng Thanh L và Hồng Kim P mà không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thúy D và ông Hồng Trang D1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thúy D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001949 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồng Trang D1 phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên